



GOETHE-ZERTIFIKAT A1: START DEUTSCH 1

DURCHFÜHRUNGSBESTIMMUNGEN CÁC QUY ĐỊNH TỔ CHỨC THI

Stand: 1. September 2025

Cập nhật: 01.09.2025

Zertifiziert durch
Chứng nhận bởi



**GOETHE
INSTITUT**

Sprache. Kultur. Deutschland.

Durchführungsbestimmungen zur Prüfung GOETHE-ZERTIFIKAT A1: START DEUTSCH 1

Stand: 1. September 2025

Die *Durchführungsbestimmungen* zur Prüfung GOETHE-ZERTIFIKAT A1: START DEUTSCH 1 sind Bestandteil der *Prüfungsordnung des Goethe-Instituts* in ihrer jeweils aktuellen Fassung.

Die *Durchführungsbestimmungen* beschreiben die Bestandteile der einzelnen Prüfungen und regeln die prüfungsspezifischen Bedingungen der Prüfungsorganisation, des Ablaufs und der Bewertung sowie die Berechnung der Prüfungsergebnisse.

Die Prüfung START DEUTSCH 1 wird vom Goethe-Institut getragen. Sie wird an den in § 2 der *Prüfungsordnung* genannten Prüfungszentren weltweit nach einheitlichen Kriterien durchgeführt und bewertet.

Die Prüfung dokumentiert die erste Stufe – A1 – der im *Gemeinsamen europäischen Referenzrahmen für Sprachen (GER)* beschriebenen sechsstufigen Kompetenzskala und damit die Fähigkeit zur elementaren Sprachverwendung.

§ 1 Prüfungsbeschreibung

Siehe hierzu auch *Prüfungsordnung* § 1.

1.1 Bestandteile der Prüfung

Die Prüfung START DEUTSCH 1 besteht aus folgenden obligatorischen Teilprüfungen:

- schriftliche Gruppenprüfung,
- mündliche Gruppenprüfung.

1.2 Prüfungsmaterialien

Die Prüfungsmaterialien bestehen aus *Kandidatenblättern* mit dem *Antwortbogen (Hören, Lesen, Schreiben)*, *Prüferblättern* mit den Bögen *Sprechen – Bewertung, Sprechen – Ergebnis* sowie einer Audiodatei.

Các quy định tổ chức thi GOETHE - ZERTIFIKAT A1: START DEUTSCH 1

Cập nhật: 01.09.2025

Các quy định tổ chức thi GOETHE-ZERTIFIKAT A1: START DEUTSCH 1 là một phần thuộc *Quy chế thi* hiện hành của *Viện Goethe*

Các quy định tổ chức thi miêu tả cấu trúc của từng kỳ thi và quy định các điều kiện cụ thể về việc tổ chức thi, quy trình thi, chấm điểm và tính kết quả thi.

Kỳ thi START DEUTSCH 1 được thực hiện bởi Viện Goethe. Kỳ thi này được tổ chức và chấm điểm theo các tiêu chí thống nhất tại các trung tâm tổ chức thi trên toàn cầu được nêu trong § 2 của *Quy chế thi*.

Kỳ thi này chứng nhận bậc trình độ đầu tiên - A1 trong thang đánh giá năng lực gồm 6 bậc được mô tả trong *Khung tham chiếu ngôn ngữ chung Châu Âu (GER)* và theo đó chứng nhận khả năng sử dụng ngôn ngữ ở mức cơ bản.

§ 1 Mô tả kỳ thi

Xem *Quy chế thi* §1

1.1 Cấu trúc kỳ thi

Kỳ thi START DEUTSCH 1 bao gồm các phần thi bắt buộc sau:

- phần thi viết theo nhóm,
- phần thi nói theo nhóm.

1.2 Tài liệu thi

Tài liệu thi bao gồm *Tài liệu thi dành cho thí sinh có Phiếu trả lời (Nghe, Đọc, Viết)*, *Tài liệu dành cho người chấm thi có Phiếu chấm Nói và Phiếu kết quả Nói* cũng như một tệp file nghe.

Die *Kandidatenblätter* enthalten die Aufgaben für die Prüfungsteilnehmenden:

- Aufgaben zum Prüfungsteil HÖREN (Teil 1-3);
- Texte und Aufgaben zum Prüfungsteil LESEN (Teil 1-3);
- Texte und Aufgaben zum Prüfungsteil SCHREIBEN (Teil 1 und 2).

Im Prüfungsteil SPRECHEN erhalten die Prüfungsteilnehmenden Stichwörter und Handlungskarten (Teil 1-3).

In den *Antwortbogen* tragen die Prüfungsteilnehmenden ihre Lösungen bzw. ihren Text ein.

Die *Prüferblätter* enthalten

- die Transkriptionen der Hörtexte;
- die Lösungen;
- die Bewertungskriterien zum Prüfungsteil SCHREIBEN;
- Musterbewertungen zu schriftlichen Leistungsbeispielen;
- die Anweisungen zur Durchführung zum Prüfungsteil SPRECHEN und die Bewertungskriterien.

In den *Antwortbogen* zu den Prüfungsteilen LESEN, HÖREN, SCHREIBEN und in den Bogen *Sprechen – Bewertung* tragen die Prüfenden ihre Bewertung ein.

Die Audiodatei enthält die Texte zum Prüfungsteil HÖREN sowie alle Anweisungen und Informationen.

1.3 Prüfungssätze

Die Materialien zu den schriftlichen Prüfungsteilen sind jeweils in *Prüfungssätzen* zusammengefasst. Die Materialien zum Prüfungsteil SPRECHEN können untereinander und mit den schriftlichen *Prüfungssätzen* beliebig kombiniert werden.

1.4 Zeitliche Organisation

Die schriftliche Prüfung findet in der Regel vor der mündlichen statt. Falls schriftliche und mündliche Prüfung nicht am selben Tag stattfinden, liegen zwischen schriftlicher und mündlicher Prüfung maximal 14 Tage.

Tài liệu thi dành cho thí sinh bao gồm các đề bài cho thí sinh:

- Các đề bài cho phần thi NGHE (Phần 1 - 3);
- Các văn bản và đề bài cho phần thi ĐỌC (Phần 1- 3);
- Các văn bản và đề bài cho phần thi VIẾT (Phần 1 và 2).

Trong phần thi NÓI, thí sinh nhận được từ gợi ý và các phiếu tình huống giao tiếp (Phần 1-3)

Thí sinh ghi các đáp án cũng như bài viết của mình vào *Phiếu trả lời*.

Tài liệu dành cho người chấm thi bao gồm:

- phần lời thoại các bài nghe;
- các đáp án;
- các tiêu chí chấm phần thi viết;
- các bài chấm mẫu phần viết
- các hướng dẫn thực hiện và các tiêu chí chấm điểm phần thi nói.

Người chấm thi điền phần đánh giá của mình lên *Phiếu trả lời* các phần thi ĐỌC, NGHE, VIẾT và *Phiếu chấm Nói*.

Tệp file nghe bao gồm các bài của phần thi NGHE cũng như tất cả các thông tin và chỉ dẫn làm bài thi.

1.3 Đề thi

Tài liệu các phần thi viết được tập hợp thành bộ đề thi. Các đề thi NÓI có thể được kết hợp với nhau và kết hợp cùng tập đề thi viết một cách linh hoạt.

1.4 Thời gian thi

Thông thường phần thi viết diễn ra trước phần thi nói. Trường hợp phần thi viết và thi nói không diễn ra trong cùng một ngày thì thời hạn tối đa giữa hai phần thi là 14 ngày.

Die schriftliche Prüfung dauert ohne Pausen insgesamt 65 Minuten:

Prüfungsteil	Dauer
HÖREN	ca. 20 Minuten
LESEN	25 Minuten
SCHREIBEN	20 Minuten
Gesamt	65 Minuten

Phần thi viết diễn ra liên tục trong 60 phút không có giải lao:

Phần thi	Thời gian thi
NGHE	khoảng 20 phút
ĐỌC	25 phút
VIẾT	20 phút
Tổng cộng	65 phút

Der Prüfungsteil SPRECHEN wird als Gruppenprüfung mit maximal vier Teilnehmenden durchgeführt und dauert 15 Minuten. Es gibt keine Vorbereitungszeit.

Phần thi NÓI được tiến hành theo hình thức thi nhóm với tối đa là 4 thí sinh dự thi và kéo dài 15 phút. Thí sinh không có thời gian chuẩn bị trước.

Für Prüfungsteilnehmende mit spezifischem Bedarf können die angegebenen Zeiten verlängert werden. Einzelheiten sind in den *Ergänzungen zu den Durchführungsbestimmungen: Prüfungsteilnehmende mit spezifischem Bedarf* geregelt.

Đối với những thí sinh có hoàn cảnh đặc biệt thì thời gian thi nêu trên có thể kéo dài hơn. Chi tiết về mục này được nêu trong *Các quy định tổ chức thi bổ sung: Những thí sinh có hoàn cảnh đặc biệt*.

1.5 Protokoll über die Durchführung der Prüfung

Über die Durchführung der Prüfung wird ein Protokoll geführt, das besondere Vorkommnisse während der Prüfung festhält und mit den Prüfungsergebnissen archiviert wird.

1.5 Biên bản tổ chức thi

Quá trình tổ chức thi được ghi lại trong Biên bản thi, trong đó nêu những sự việc đặc biệt diễn ra trong quá trình thi và được lưu trữ cùng với kết quả thi.

§ 2 Die schriftliche Prüfung

Für die schriftliche Prüfung wird folgende Reihenfolge empfohlen: HÖREN – LESEN – SCHREIBEN. Aus organisatorischen Gründen kann die Reihenfolge der Prüfungsteile von den Prüfungszentren geändert werden.

§ 2 Phần thi viết

Phần thi viết được gợi ý thực hiện theo trình tự: NGHE – ĐỌC – VIẾT. Vì những lý do về tổ chức, trình tự thi này có thể được thay đổi bởi trung tâm tổ chức thi.

Zwischen den Prüfungsteilen ist keine Pause vorgesehen.

Giữa các phần thi không có nghỉ giải lao.

2.1 Vorbereitung

Vor dem Prüfungstermin bereitet der/die Prüfungsverantwortliche unter Beachtung der Geheimhaltung die Prüfungsmaterialien vor. Dazu gehört auch eine inhaltliche Überprüfung inklusive der Audiodatei sowie deren Funktionalität.

2.1 Chuẩn bị thi

Trước kỳ thi, người phụ trách tổ chức kỳ thi chuẩn bị tài liệu thi theo nguyên tắc bảo mật. Việc chuẩn bị cũng bao gồm cả việc kiểm tra lại nội dung đề thi và xem tệp file nghe có hoạt động không.

2.2 Ablauf

Vor Beginn der Prüfung weisen sich alle Teilnehmenden aus. Die Aufsichtsperson gibt danach alle notwendigen organisatorischen Hinweise.

Vor Beginn der Prüfung werden die entsprechenden *Kandidatenblätter* und der *Antwortbogen* ausgegeben. Die Teilnehmenden tragen alle erforderlichen Daten auf dem *Antwortbogen* ein; erst dann beginnt die eigentliche Prüfungszeit.

Die *Kandidatenblätter* zu den jeweiligen Prüfungsteilen werden ohne Kommentar ausgegeben; alle Aufgabenstellungen sind auf den *Kandidatenblättern* erklärt. Am Ende der jeweiligen Prüfungsteile werden alle Unterlagen eingesammelt. Beginn und Ende der Prüfungszeit werden jeweils in geeigneter Form von der Aufsichtsperson mitgeteilt.

Für die schriftliche Prüfung gilt folgender Ablauf:

1. Die Prüfung beginnt in der Regel mit dem Prüfungsteil HÖREN. Die Audiodatei wird von der Aufsichtsperson gestartet. Die Teilnehmenden markieren ihre Lösungen zunächst auf den *Kandidatenblättern* und übertragen sie am Ende auf den *Antwortbogen*. Für das Übertragen ihrer Lösungen auf den *Antwortbogen* stehen den Teilnehmenden circa 5 Minuten innerhalb der Prüfungszeit zur Verfügung.
2. Anschließend bearbeiten die Teilnehmenden die Prüfungsteile LESEN und SCHREIBEN in der von den Teilnehmenden gewünschten Reihenfolge. Die Teilnehmenden markieren bzw. schreiben ihre Lösungen zunächst auf den *Kandidatenblättern* und übertragen sie am Ende auf den *Antwortbogen*. Für das Übertragen ihrer Lösungen planen die Teilnehmenden circa 5 Minuten innerhalb der Prüfungszeit ein.
3. Den Text zum Prüfungsteil SCHREIBEN (Teil 2) verfassen die Teilnehmenden direkt auf dem *Antwortbogen*.

2.2 Quy trình thi

Trước khi bắt đầu thi, các thí sinh trình chứng minh nhân thân. Sau đó, giám thị coi thi thông báo tất cả các hướng dẫn cần thiết thuộc về khâu tổ chức.

Trước khi bắt đầu thi, thí sinh được phát *Tài liệu dành cho thí sinh* cùng *Phiếu trả lời*. Thí sinh điền đầy đủ tất cả các thông tin yêu cầu vào *Phiếu trả lời* này. Sau đó, thời gian thi mới chính thức bắt đầu

Tài liệu thi dành cho thí sinh cho các phần thi được phát mà không có bất cứ bình luận nào; tất cả các yêu cầu đề bài đã được giải thích trong *Tài liệu thi dành cho thí sinh*. Sau phần thi, tất cả các tài liệu thi được thu lại. Giám thị coi thi thông báo thời điểm bắt đầu và kết thúc giờ thi thông qua hình thức phù hợp.

Phần thi viết diễn ra theo trình tự như sau:

1. Thông thường kỳ thi bắt đầu với phần thi NGHE. Giám thị coi thi bật tệp file nghe. Thí sinh dự thi trước hết đánh dấu phần trả lời của mình vào *Tài liệu thi dành cho thí sinh*, sau cùng chuyển phần trả lời vào *Phiếu trả lời*. Các thí sinh có khoảng 5 phút trong khoảng thời gian thi để chuyển câu trả lời của mình vào *Phiếu trả lời*.
2. Tiếp theo các thí sinh làm bài thi ĐỌC và VIẾT theo trình tự tùy chọn. Thí sinh trước hết đánh dấu cũng như viết phần trả lời của mình vào *Tài liệu thi dành cho thí sinh* và sau cùng chuyển phần trả lời này vào *Phiếu trả lời*. Thí sinh dành khoảng 5 phút trong thời gian thi cho việc chuyển câu trả lời vào phiếu.
3. Thí sinh ghi trực tiếp bài thi VIẾT (phần 2) vào *Phiếu trả lời*.

§ 3 Der Prüfungsteil SPRECHEN

Die Teile 1, 2 und 3 des Prüfungsteils SPRECHEN dauern jeweils circa 5 Minuten.

3.1 Organisation

Für die Prüfung steht ein geeigneter Raum zur Verfügung. Tisch- und Sitzordnung werden so gewählt, dass eine freundliche Prüfungsatmosphäre entsteht. Die Zusammenstellung der Gruppe erfolgt nach dem Zufallsprinzip.

Wie in der schriftlichen Prüfung muss die Identität der Teilnehmenden vor Beginn der mündlichen Prüfung, gegebenenfalls auch während der mündlichen Prüfung, zweifelsfrei festgestellt werden.

3.2 Vorbereitung

Es gibt keine Vorbereitungszeit. Die Teilnehmenden erhalten die Aufgabenstellung direkt in der Prüfung.

3.3 Ablauf

Der Prüfungsteil SPRECHEN wird von zwei Prüfenden durchgeführt. Eine/-r der Prüfenden übernimmt die Moderation des Prüfungsteils SPRECHEN.

Für den Prüfungsteil SPRECHEN gilt folgender Ablauf:

Zu Beginn begrüßen die Prüfenden die Teilnehmenden und stellen sich selbst kurz vor. Die Prüfenden erläutern vor Beginn jedes Teiles die Aufgabenstellung und verdeutlichen diese anhand eines Beispiels.

1. In Teil 1 stellen sich die Teilnehmenden nacheinander anhand der Stichworte auf den *Kandidatenblättern* vor. Anschließend werden sie gebeten, ein Wort zu buchstabieren und eine Nummer wiederzugeben.
2. In Teil 2 sprechen die Teilnehmenden miteinander; sie formulieren Fragen und reagieren darauf. In einer Einzelprüfung spricht der/die Teilnehmende mit einem/einer Prüfenden.

§ 3 Phần thi NÓI

Các phần 1,2 và 3 của kỳ thi NÓI kéo dài mỗi phần khoảng 5 phút.

3.1 Khâu tổ chức

Một phòng phù hợp được bố trí cho kỳ thi. Việc sắp xếp bàn và ghế phải đảm bảo tạo được bầu không khí thi cử thân thiện. Việc sắp xếp các thí sinh thi theo nhóm được thực hiện theo nguyên tắc ngẫu nhiên.

Tương tự như ở phần thi viết, danh tính của thí sinh dự thi phải được xác định trước khi phần thi nói bắt đầu, hoặc trường hợp cần thiết có thể ngay cả khi quá trình thi nói đang diễn ra.

3.2 Chuẩn bị thi

Thí sinh không có thời gian chuẩn bị trước. Thí sinh nhận đề thi ngay trong buổi thi.

3.3 Quy trình thi

Phần thi NÓI được tiến hành bởi hai người hỏi thi. Một trong hai người hỏi thi đảm nhận việc dẫn dắt phần thi NÓI.

Phần thi NÓI diễn ra theo trình tự sau:

Mở đầu, người hỏi thi chào hỏi các thí sinh và tự giới thiệu ngắn gọn về bản thân. Trước khi bắt đầu mỗi phần thi, người hỏi thi giải thích yêu cầu đề bài và làm rõ các yêu cầu này thông qua một ví dụ.

1. Trong phần 1, thí sinh lần lượt giới thiệu về bản thân dựa trên những từ gợi ý đã cho sẵn trên *Tài liệu thi dành cho thí sinh*. Sau đó, thí sinh được yêu cầu đánh vần một từ và nêu một con số.
2. Ở phần 2, các thí sinh nói với nhau, diễn đạt các câu hỏi và đáp lại các câu hỏi đó. Trong trường hợp thi riêng lẻ, thí sinh nói với một người hỏi thi.

3. In Teil 3 formulieren die Teilnehmenden Bitten oder Aufforderungen an die anderen Teilnehmenden und reagieren darauf. In einer Einzelprüfung spricht der/die Teilnehmende mit einem/einer Prüfenden.

3. Trong phần 3, thí sinh diễn đạt yêu cầu hoặc đề nghị đối với thí sinh khác và trả lời lại những đề nghị, yêu cầu được đưa ra. Trong trường hợp thi riêng lẻ, thí sinh nói với một người hỏi thi.

Am Ende der Prüfung werden alle Unterlagen eingesammelt.

Tất cả các tài liệu thi được thu lại khi kết thúc phần thi.

§ 4 Bewertung schriftliche Prüfung

Die Bewertung der schriftlichen Prüfungsteile findet im Prüfungszentrum oder in ausgewiesenen Diensträumen statt. Die Bewertung erfolgt jeweils durch zwei unabhängig Bewertende. Auf dem *Antwortbogen* werden in dem Feld *Ergebnis (Hören + Lesen + Schreiben)* die erreichten Punkte der Prüfungsteile HÖREN, LESEN und SCHREIBEN zusammengeführt und als rechnerisch richtig gezeichnet. Die Ergebnisse aus der schriftlichen Prüfung werden nicht an die Prüfenden der mündlichen Prüfung weitergegeben.

§ 4 Chấm điểm phần thi viết

Việc chấm bài thi viết diễn ra tại trung tâm tổ chức thi hoặc trong các phòng được chỉ định. Việc chấm thi được thực hiện bởi hai người chấm độc lập. Số điểm đạt được của các phần NGHE, ĐỌC, VIẾT được tổng kết ở phần *Kết quả* trên *Phiếu trả lời* và được ký nhận tính đúng. Kết quả kỳ thi viết không được chuyển cho người hỏi phần thi nói.

4.1 HÖREN

Im Prüfungsteil HÖREN sind maximal 15 Punkte erreichbar. Es werden nur die vorgesehenen Punktwerte vergeben, pro Lösung 1 Punkt oder 0 Punkte. Zur Berechnung des Ergebnisses werden die vergebenen Punkte addiert. Die erzielten Punkte werden auf dem *Antwortbogen* im Feld *Ergebnis Hören* eingetragen und von beiden Bewertenden gezeichnet.

4.1 NGHE

Phần thi NGHE có thể đạt tối đa 15 điểm. Chỉ chấm điểm theo thang điểm cho sẵn, mỗi đáp án được chấm ở mức 1 điểm hoặc 0 điểm. Kết quả được tính bằng cách cộng các điểm đạt được. Số điểm được ghi vào *Phiếu trả lời* ở phần *Kết quả Nghe* có ký xác nhận bởi cả hai người chấm thi.

4.2 LESEN

Im Prüfungsteil LESEN sind maximal 15 Punkte erreichbar. Es werden nur die vorgesehenen Punktwerte vergeben, pro Lösung 1 Punkt oder 0 Punkte. Zur Berechnung des Ergebnisses werden die vergebenen Punkte addiert. Die erzielten Punkte werden auf dem *Antwortbogen* im Feld *Ergebnis Lesen* eingetragen und von beiden Bewertenden gezeichnet.

4.2 ĐỌC

Phần thi ĐỌC có thể đạt tối đa 15 điểm. Chỉ chấm điểm theo thang điểm cho sẵn, mỗi đáp án được chấm ở mức 1 điểm hoặc 0 điểm. Kết quả được tính bằng cách cộng các điểm đạt được. Số điểm được ghi vào *Phiếu trả lời* ở phần *Kết quả Đọc* và được cả hai người chấm thi ký xác nhận.

4.3 SCHREIBEN

Zur Berechnung des Ergebnisses des Prüfungsteils SCHREIBEN werden die für Teil 1 und 2 vergebenen Punkte addiert. Die erzielten Punkte werden auf dem *Antwortbogen* eingetragen.

4.3 VIẾT

Để tính kết quả phần thi VIẾT, điểm của phần 1 và 2 được cộng lại. Tổng điểm được ghi vào *Phiếu trả lời*.

4.3.1 SCHREIBEN, Teil 1

In Teil 1 sind maximal 5 Punkte erreichbar.
Es werden nur die vorgegebenen Punktwerte vergeben,
pro Lösung 1 Punkt oder 0 Punkte.

Zur Berechnung des Ergebnisses von Teil 1 werden die ver-
gebenen Punkte addiert. Die Bewertungen werden auf dem
Antwortbogen eingetragen.

4.3.2 SCHREIBEN, Teil 2

Teil 2 wird von zwei Bewertenden getrennt bewertet, nach
festgelegten Bewertungskriterien (s. *Übungssatz*, Teil
Prüferblätter). Es werden nur die vorgegebenen Punktwerte
für jedes der Kriterien vergeben; Zwischenwerte sind nicht
zulässig.

In Teil 2 sind maximal 10 Punkte erreichbar. Bewertet wird
die Reinschrift auf dem *Antwortbogen*.

Die jeweiligen Punktwerte von Bewertender/-m 1 und
Bewertender/-m 2 werden auf dem *Antwortbogen* unter
Angabe der jeweiligen Bewerbernummer eingetragen. Zur
Ermittlung des Ergebnisses zu SCHREIBEN, Teil 2 wird das
arithmetische Mittel aus den beiden Bewertungen gezogen
und auf volle Punkte gerundet (bis 0,49 wird abgerundet,
ab 0,5 wird aufgerundet).

§ 5 Bewertung Prüfungsteil SPRECHEN

Die Teile 1 bis 3 zur mündlichen Produktion werden von
zwei Prüfenden getrennt bewertet.
Die Bewertung erfolgt nach festgelegten Bewertungskrite-
rien (s. *Übungssatz*, Teil *Prüferblätter*). Es werden nur die
auf dem Bogen *Sprechen – Bewertung* vorgesehenen Punkt-
werte vergeben. Zwischenwerte sind nicht zulässig.

Im Prüfungsteil SPRECHEN sind maximal 15 Punkte erreich-
bar, davon 3 Punkte in Teil 1 sowie jeweils 6 Punkte in
Teil 2 und 3.

4.3.1 VIẾT, Phần 1

Phần thi viết 1 có thể đạt tối đa 5 điểm. Chỉ chấm theo
thang điểm cho sẵn, mỗi đáp án được chấm ở mức 1 điểm
hoặc 0 điểm.

Kết quả của phần 1 là tổng các điểm đạt được và được ghi
trên *Phiếu trả lời*.

4.3.2 VIẾT, Phần 2

Phần thi VIẾT 2 được đánh giá độc lập bởi hai người chấm thi
dựa trên các tiêu chí đã được quy định (xem *Bài luyện thi mẫu*,
phần *Tài liệu dành cho người chấm thi*). Chỉ những thang điểm
quy định sẵn đối với từng tiêu chí mới được chấp nhận; điểm
không thuộc thang điểm không được chấp nhận.

Phần 2 có thể đạt tối đa 10 điểm. Chỉ chấm điểm phần chữ
viết trên *Phiếu trả lời*.

Điểm của người chấm 1 và 2 được ghi trên Phiếu trả lời kèm
mã số của hai người chấm thi. Kết quả của phần thi VIẾT,
phần 2 được tính bằng trung bình cộng của điểm thi trên
hai phiếu chấm và được làm tròn (điểm lẻ tới 0,49 thì làm
tròn xuống, từ 0,5 được làm tròn lên).

§ 5 Chấm điểm phần thi NÓI

Các phần từ 1 đến 3 của bài thi nói được đánh giá độc lập bởi
hai người chấm thi.

Việc đánh giá dựa trên các tiêu chí đã được quy định (xem *Bài
luyện thi mẫu*, phần *Tài liệu dành cho người chấm thi*). Chỉ
những thang điểm quy định trên *Phiếu chấm Nói* mới được
chấp nhận; điểm không thuộc thang điểm không được chấp
nhận.

Phần thi NÓI có điểm tối đa là 15, trong đó Phần 1 tối đa 3
điểm, mỗi Phần 2 và 3 tối đa 6 điểm.

Zur Ermittlung des Ergebnisses des Prüfungsteils SPRECHEN wird aus beiden Bewertungen das arithmetische Mittel gezogen und auf volle Punkte gerundet (bis 0,49 wird abgerundet, ab 0,5 wird aufgerundet). Das Ergebnis des Prüfungsteils SPRECHEN wird auf dem Bogen *Sprechen – Ergebnis* festgehalten und als rechnerisch richtig gezeichnet. Alternativ können die Bewertungen der Prüfenden auch in eine digitale Bewertungsmaske eingegeben werden; unabhängig davon, ob eine papierbasierte oder digitale Prüfung gebucht wurde. Die Prüfenden und Bewertenden authentifizieren sich auf der Testplattform durch individuelle Login-Daten; daher entfällt die Notwendigkeit einer Unterschrift.

§ 6 Gesamtergebnis

Die Ergebnisse der einzelnen schriftlichen Prüfungsteile und das Ergebnis des Prüfungsteils SPRECHEN werden – auch bei nicht bestandener Prüfung – zu einem Gesamtergebnis zusammengeführt.

6.1 Ermittlung der Gesamtpunktzahl

Zur Ermittlung der Gesamtpunktzahl werden die in den einzelnen Prüfungsteilen erzielten Punkte mit dem Faktor 1,66 multipliziert und anschließend addiert. Das Gesamtergebnis wird auf volle Punkte gerundet.

6.2 Punkte und Prädikate

Die Prüfungsleistungen werden in Form von Punkten und Prädikaten dokumentiert. Es gelten folgende Punkte und Prädikate für die Gesamtprüfung:

Punkte	Prädikat
100–90	sehr gut
89–80	gut
79–70	befriedigend
69–60	ausreichend
59–0	nicht bestanden

Kết quả của phần thi NÓI được tính bằng trung bình cộng của điểm thi trên hai phiếu chấm và được làm tròn (điểm lẻ tới 0,49 thì được làm tròn xuống, từ 0,5 được làm tròn lên). Kết quả của phần thi NÓI được ghi vào *Phiếu Kết quả thi Nói* và có chữ ký xác nhận tính chính xác. Người chấm thi cũng có thể cho điểm trên phiếu chấm ở dạng điện tử, không phân biệt thí sinh trước đó đã đăng ký thi dạng đề in trên giấy hay thi dạng điện tử trên máy. Người hỏi thi và chấm thi xác thực danh tính trên hệ thống thi thông qua mã đăng nhập cá nhân nên không cần ký xác nhận.

§ 6 Kết quả thi

Kết quả của các phần thi viết và kết quả của phần thi NÓI được chuyển vào *Phiếu Kết quả tổng hợp* ngay cả khi thí sinh không đỗ kỳ thi đó.

6.1 Cách tính tổng điểm thi

Tổng điểm thi của thí sinh được tính bằng số điểm đạt được trong từng phần thi nhân với hệ số 1,66 và sau đó cộng lại với nhau. Điểm tổng này được làm tròn.

6.2 Điểm số và xếp loại

Kết quả thi được thể hiện dưới dạng điểm số và xếp loại. Thang điểm và xếp loại cho cả kỳ thi như sau:

Điểm	Xếp loại
100–90	xuất sắc
89–80	giỏi
79–70	trung bình khá
69–60	đạt
59–0	không đạt

6.3 Bestehen der Prüfung

Maximal können 100 Punkte erreicht werden, 75 Punkte im schriftlichen Teil und 25 Punkte im mündlichen Teil. Die Prüfung ist bestanden, wenn mindestens 60 Punkte (60 % der Maximalpunktzahl) erreicht und alle Prüfungsteile abgelegt wurden.

Wenn ein/-e Teilnehmende/-r im schriftlichen Teil weniger als 35 Punkte erzielt, ist eine Teilnahme am Prüfungsteil SPRECHEN nicht sinnvoll, da die zum Bestehen notwendige Mindestpunktzahl von 60 Punkten auch bei voller Punktzahl im Prüfungsteil SPRECHEN nicht mehr erreichbar ist.

§ 7 Wiederholung und Zertifizierung der Prüfung

Es gelten § 14 und § 15 der *Prüfungsordnung*. Die Prüfung kann nur als Ganzes wiederholt werden.

§ 8 Schlussbestimmungen

Diese *Durchführungsbestimmungen* treten am 1. September 2025 in Kraft und gelten erstmals für Prüfungsteilnehmende, deren Prüfung nach dem 1. September 2025 stattfindet.

Im Falle von sprachlichen Unstimmigkeiten zwischen den einzelnen Sprachversionen der *Durchführungsbestimmungen* ist die deutsche Fassung maßgeblich.

6.3 Điều kiện đỗ kỳ thi

Điểm tối đa có thể đạt là 100, trong đó 75 điểm cho phần thi viết và 25 điểm cho phần thi nói. Thí sinh đỗ kỳ thi nếu đạt tối thiểu 60 điểm (60% số điểm tối đa) và tham dự tất cả các phần thi.

Nếu phần thi viết của thí sinh đạt dưới 35 điểm, thì việc tiếp tục tham gia thi nói không còn ý nghĩa vì dù có đạt kết quả tối đa ở phần thi NÓI cũng không thể đạt được điểm tối thiểu là 60 để đủ điều kiện đỗ kỳ thi.

§ 7 Thi lại và cấp chứng chỉ

Áp dụng § 14 và §15 trong *Quy chế thi*. Thí sinh chỉ có thể thi lại toàn bộ kỳ thi.

§ 8 Kết luận

Các quy định tổ chức thi nêu trên có hiệu lực từ ngày 01 tháng 09 năm 2025 và áp dụng cho những thí sinh dự thi sau ngày 01 tháng 09 năm 2025.

Trong trường hợp có những chi tiết không thống nhất giữa các bản dịch của *Các quy định tổ chức thi* này, thì phiên bản bằng tiếng Đức được lấy làm chuẩn.

Legende zu Formatierungen:

VERSAL: Prüfungsnamen und Prüfungsteile (z. B. „Prüfungsteil SPRECHEN“)

kursiv: Dokumentenbezeichnungen, Eigennamen, Verweise (z. B. „Der Bogen Sprechen – Ergebnis wird ...“)

ANHANG

Zusätzliche Regelungen zur Durchführung digitaler Deutschprüfungen

Digitale Deutschprüfungen werden in Präsenz an einem Laptop des Prüfungszentrums des Goethe-Instituts abgelegt. Abweichend oder zusätzlich zu den oben stehenden Regelungen gilt Folgendes:

1. Abweichend von 1.2 (Prüfungsmaterialien) gilt:

Sämtliches Prüfungsmaterial der Module/Prüfungsteile LESEN, HÖREN und SCHREIBEN wird den Prüfungsteilnehmenden mittels einer Testplattform digital vorgelegt und von diesen digital bearbeitet. Die Prüfungsteilnehmenden verfassen ihre Texte mit einer deutschen Tastatur. Das digitale Material entspricht inhaltlich der papierbasierten Prüfung. Die Übertragung auf Antwortbögen entfällt, da die Prüfungsteilnehmenden ihre Lösungen und ihre Texte direkt auf der Testplattform eingeben. Eine Änderung ihrer Lösungen und ihrer Texte ist so lange möglich, bis das jeweilige Modul bzw. bei nicht-modularen Prüfungen die schriftliche Prüfung abgegeben wurde bzw. die vorgegebene Prüfungszeit abgelaufen ist.

Die Teilnehmenden können am Anfang jedes Moduls bzw. bei nicht-modularen Prüfungen zu Beginn der schriftlichen Prüfung ein Tutorial mit Erklärungen zum Umgang mit der Testplattform ansehen. Die Prüfungszeit startet erst danach.

Die Texte zum Modul/Prüfungsteil HÖREN werden direkt durch die Testplattform über Kopfhörer ausgespielt.

Beim Modul/Prüfungsteil SPRECHEN erhalten die Prüfungsteilnehmenden die Aufgaben weiterhin auf Papier.

Für alle Module/Prüfungsteile können die Prüfungsteilnehmenden bei Bedarf vom Prüfungszentrum gestempeltes Konzeptpapier erhalten.

PHỤ LỤC

Quy định bổ sung về việc làm bài thi tiếng Đức dạng kỹ thuật số

Các kỳ thi tiếng Đức dạng kỹ thuật số được thực hiện trực tiếp trên máy tính xách tay tại trung tâm tổ chức thi của Viện Goethe. Các điểm sau đây khác hoặc được bổ sung cho các quy định đã được ghi ở phía trên:

1. Điểm khác với 1.2 (Tài liệu thi) như sau:

Thí sinh nhận tài liệu thi của các mô-đun /các phần thi ĐỌC, NGHE và VIẾT trên một phần mềm thi và làm bài trực tiếp trên nền tảng đó. Thí sinh viết bài làm của mình bằng bàn phím tiếng Đức. Bài thi dạng kỹ thuật số có nội dung tương tự như bài thi dạng in trên giấy. Thí sinh không cần phải chuyển kết quả sang Phiếu trả lời, do đã làm bài thi trực tiếp trên phần mềm thi. Thí sinh có thể thay đổi đáp án và đoạn văn bản cho đến khi nộp bài thi của mô-đun tương ứng cũng như của phần thi viết không theo mô-đun hoặc cho đến khi hết giờ thi.

Khi bắt đầu mỗi mô-đun hay bắt đầu phần thi viết không theo mô-đun, thí sinh có thể xem phần hướng dẫn cách làm bài trên phần mềm thi. Sau đó thời gian thi mới bắt đầu.

Các bài cho mô-đun/phần thi NGHE được phát trực tiếp trên phần mềm thi thông qua thiết bị tai nghe.

Đối với mô-đun/phần thi NÓI, thí sinh tiếp tục nhận đề thi dạng giấy.

Đối với tất cả các mô-đun/các phần thi, thí sinh có thể nhận giấy nháp có đóng dấu của trung tâm tổ chức thi nếu cần.

2. Abweichend von § 4 (Bewertung) gilt:

Die Aufgaben mit vorgegebenen Antwortmöglichkeiten in den Modulen/Prüfungsteilen LESEN und HÖREN werden technisch automatisiert durch die Testplattform bewertet. Bei den Modulen/Prüfungsteilen SCHREIBEN und SPRECHEN werden die Bewertungen durch zwei voneinander unabhängig Prüfende/Bewertende direkt auf der Testplattform eingegeben. Die Bewertungskriterien entsprechen den Bewertungskriterien der papierbasierten Prüfung. Die Prüfenden und Bewertenden authentifizieren sich auf der Testplattform durch individuelle Login-Daten, daher entfällt die Notwendigkeit einer Unterschrift.

2. Điểm khác với §4 (Chấm điểm) như sau:

Bài thi với các đáp án tùy chọn cho sẵn trong mô-đun/phần thi ĐỌC và NGHE được chấm điểm tự động ngay trên phần mềm thi. Mô-đun/phần thi VIẾT và NÓI được chấm độc lập bởi hai người chấm thi trực tiếp trên phần mềm thi. Các tiêu chí chấm thi cũng tương tự như các tiêu chí chấm bài thi trên giấy. Người hỏi thi và chấm thi xác thực danh tính trên hệ thống phần mềm thi thông qua mã đăng nhập nên không cần ký xác nhận.

Zusätzliche Regelungen zur Durchführung von Online-Deutschprüfungen

Online-Deutschprüfungen werden unter bestimmten Voraussetzungen (vgl. zusätzliche Regelungen in den Anhängen der *Prüfungsordnung* und *Durchführungsbestimmungen*) ortsunabhängig an einem privaten Desktop-Computer oder Laptop abgelegt. Für Online-Deutschprüfungen gilt Folgendes:

1. Abweichend von 1.2 (Prüfungsmaterial) gilt:

Sämtliches Prüfungsmaterial der Module/Prüfungsteile LESEN, HÖREN und SCHREIBEN wird den Prüfungsteilnehmenden mittels einer Testplattform digital vorgelegt und von diesen digital bearbeitet. Das digitale Material entspricht inhaltlich der papierbasierten Prüfung. Die Übertragung auf Antwortbögen entfällt, da die Prüfungsteilnehmenden ihre Lösungen und ihre Texte direkt auf der Testplattform eingeben. Eine Änderung ihrer Lösungen und ihrer Texte ist so lange möglich, bis das jeweilige Modul bzw. bei nicht-modularen Prüfungen die schriftliche Prüfung abgegeben wurde bzw. die vorgegebene Prüfungszeit abgelaufen ist.

Die Teilnehmenden können am Anfang jedes Moduls bzw. bei nicht-modularen Prüfungen zu Beginn der schriftlichen Prüfung ein Tutorial mit Erklärungen zum Umgang mit der Testplattform ansehen. Die Prüfungszeit startet erst danach.

Die Texte zum Modul/Prüfungsteil HÖREN werden direkt durch die Testplattform über den Lautsprecher ausgespielt.

2. Zusätzlich zu 2.1 (Vorbereitung) gilt:

2.1 Die Prüfungsteilnehmenden verwenden einen Desktop-Computer oder Laptop mit Netzbetrieb, stabiler Internetverbindung, integriertem Mikrofon, integriertem/externem Lautsprecher und integrierter/externer Webcam.

2.2 Die Tastatursprache ist auf Deutsch eingestellt.

2.3 Die Prüfungsteilnehmenden stellen die Erfüllung der **technischen Voraussetzungen**, die im Folgenden sowie im Buchungsprozess aufgeführt werden, für die Prüfungsdurchführung eigenverantwortlich sicher:

Các quy định bổ sung về tiến hành kỳ thi tiếng Đức trực tuyến

Trong một số điều kiện nhất định (đối chiếu Các quy định bổ sung trong phần phụ lục của *Quy chế thi* và *Các quy định tổ chức thi*), các kỳ thi tiếng Đức trực tuyến được tiến hành trên máy tính để bàn cá nhân hoặc máy tính xách tay tại bất cứ đâu. Đối với các kỳ thi tiếng Đức trực tuyến áp dụng những phần sau:

1. Điểm khác với 1.2 (Tài liệu thi) như sau:

Thí sinh nhận tài liệu thi của các mô-đun /các phần thi ĐỌC, NGHE và VIẾT trên một phần mềm thi và làm bài trực tiếp trên nền tảng đó. Bài thi dạng kỹ thuật số có nội dung tương tự như bài thi dạng in trên giấy. Thí sinh không cần phải chuyển kết quả sang Phiếu trả lời, do đã làm bài trực tiếp trên phần mềm thi. Thí sinh có thể thay đổi đáp án và đoạn văn bản cho đến khi nộp bài thi của mô-đun tương ứng cũng như của phần thi viết không theo mô-đun hoặc cho đến khi hết giờ thi.

Khi bắt đầu mỗi mô-đun hay bắt đầu phần thi viết không theo mô-đun, thí sinh có thể xem phần hướng dẫn cách làm bài trên phần mềm thi. Sau đó thời gian thi mới bắt đầu.

Các bài cho mô-đun/phần thi NGHE được phát trực tiếp trên phần mềm thi thông qua loa.

2. Bổ sung vào 2.1 (Chuẩn bị thi):

2.1. Thí sinh sử dụng một máy tính để bàn hoặc máy tính xách tay có kết nối mạng, kết nối internet ổn định, có mi-crô tích hợp, loa tích hợp/loa ngoài và webcam tích hợp/webcam ngoài.

2.2 Bàn phím được cài tiếng Đức

2.3. Thí sinh có trách nhiệm bảo đảm đáp ứng các **điều kiện kỹ thuật** được nêu dưới đây cũng như trong quá trình đặt lịch để có thể thực hiện thi.

Technische Voraussetzungen:

Gerät:

- Desktop-, Laptop-Computer oder Chromebook
- Sicherheitsüberprüfung und ggf. zweite Kamera: Smartphone

Monitor:

- ein Monitor oder Bildschirm
- mehrere Monitore oder Doppelbildschirme sind nicht zulässig

Lautsprecher/Mikrofon:

- interner oder externer Lautsprecher sowie ein im Computer oder der Webkamera integriertes Mikrofon
- Kopfhörer mit oder ohne eingebautes Mikrofon oder In-Ear-Kopfhörer sind nicht zulässig

Kamera:

- Integrierte Kamera oder eine separate Webkamera
- Hinweis: Die Kamera muss so bewegt werden können, dass die Prüfungsaufsicht einen 360°-Blick auf den Raum, einschließlich der Tischoberfläche und Tischunterseite, erhält.
- Ggf. Smartphone als zweite Kamera

Browser:

- Google-Chrome™-Browser
- Browser des Dienstleisters für die virtuelle Prüfungsüberwachung wird beim Technik-Check und am Prüfungstag bereitgestellt.

Internetverbindung:

- Erforderlich: Upload- und Download-Geschwindigkeit von 5 Mbit/s
- Empfehlung: 10 Mbit/s

2.4 Unmittelbar vor der Prüfungsdurchführung müssen alle Computer-Anwendungen und Programme geschlossen sein, die nicht für die Prüfung relevant sind.

3. Abweichend von 2.2 (Ablauf) gilt:

3.1 Die Prüfungsteilnehmenden sorgen dafür, dass sie die Prüfung in einem störungsfreien Raum mit adäquaten Licht- und Sitzverhältnissen ablegen. Räume mit mehr als einer Tür oder mit großen Glasfronten sind nicht erlaubt.

Các điều kiện kỹ thuật:

Thiết bị:

- Máy tính để bàn, máy tính xách tay hoặc Chromebook
- Kiểm tra an toàn và trong trường hợp cần thiết có thể sử dụng máy quay thứ hai: điện thoại thông minh

Màn hình:

- Một màn hình điều khiển hoặc màn hình
- Nhiều màn hình hoặc màn hình đôi không được phép

Loa / Mi-crô:

- Loa trong hoặc loa ngoài cũng như mi-crô được tích hợp vào máy tính hoặc webcam
- Tai nghe có hay không có kèm mi-crô hoặc tai nghe trong tai không được chấp nhận

Máy quay:

- Máy quay tích hợp được cài đặt trong máy hoặc Webcam tách rời
- Lưu ý: Máy quay phải có chức năng di chuyển, để người trông thi có góc nhìn 360 độ của cả phòng thi, bao gồm mặt bàn và gầm bàn.
- Trong trường hợp cần thiết, có thể sử dụng điện thoại thông minh như máy quay thứ hai

Trình duyệt:

- Trình duyệt Google-Chrome
- Trình duyệt của nhà cung cấp cho việc giám sát thi trực tuyến được cung cấp trong quá trình kiểm tra kỹ thuật và vào ngày thi.

Kết nối internet:

- Yêu cầu: Tốc độ tải lên và tải xuống là 5Mbit/s
- Đề xuất: 10 Mbit/s

2.4. Ngay trước khi tiến hành kỳ thi, tất cả các ứng dụng và chương trình máy tính không liên quan đến kỳ thi phải được đóng lại.

3. Điểm khác với 2.2 (Quy trình thi) như sau:

3.1 Các thí sinh phải đảm bảo làm bài thi trong một căn phòng yên tĩnh có đủ điều kiện ánh sáng và chỗ ngồi. Những phòng có nhiều hơn một cửa hoặc có mặt tiền bằng kính lớn không được chấp nhận.

3.2 Während der Prüfung befinden sich außer dem/der Prüfungsteilnehmenden keine weiteren Personen oder Haustiere im Raum, Tür und Fenster werden geschlossen.

3.2 Trong khi làm bài thi, ngoài thí sinh ra, không có ai khác hay động vật ở trong phòng. Cửa và cửa sổ phải đóng.

3.3 Zur Sicherstellung, dass während der Prüfung keine weiteren Personen den Raum betreten, müssen Arbeitsplatz und Webcam so ausgerichtet werden, dass der/die Prüfungsteilnehmende und die Tür permanent im Bild sind.

3.3 Để đảm bảo rằng không có người nào khác vào phòng trong khi thi thì chỗ ngồi làm bài thi và webcam phải được căn chỉnh sao cho thí sinh và cửa luôn trong khung hình.

3.4 Der Prüfungsplatz wird so eingerichtet, dass die Arbeitsfläche leer ist und sich außer dem Desktop-Computer mit Monitor oder Laptop, Lichtbildausweis, ggf. Tastatur und Lautsprecher keine weiteren Gegenstände auf dem Tisch befinden. Wenn der Arbeitstisch über Schubladen verfügt, müssen diese vor der Prüfung leergeräumt werden. Hierzu erfolgt eine Kontrolle.

3.4 Địa điểm thi phải được bố trí sao cho bề mặt bàn làm bài trống và trên bàn không có đồ vật gì khác ngoài máy tính để bàn có màn hình hoặc máy tính xách tay, giấy tờ tùy thân có ảnh, bàn phím và loa nếu cần. Nếu bàn có ngăn kéo thì ngăn kéo phải được dọn sạch trước khi làm bài thi. Việc này sẽ được kiểm tra.

3.5 Zur Überprüfung der Einhaltung der Prüfungsbedingungen führt die Prüfungsaufsicht zusammen mit dem/der Prüfungsteilnehmenden eine Überprüfung des Raums per Webcam durch.

3.5 Để kiểm tra việc tuân thủ các điều kiện thi, giám thị sẽ kiểm tra phòng qua webcam cùng với thí sinh dự thi.

3.6 Der/Die Prüfungsteilnehmende muss während der ganzen Prüfung erkennbar sein. Das Gesicht und die Ohren des/der Prüfungsteilnehmenden müssen während der gesamten Prüfung sichtbar sein und dürfen nicht verdeckt werden.

3.6 Trong suốt quá trình làm bài, thí sinh phải được nhận diện rõ. Khuôn mặt và tai của thí sinh phải được nhìn thấy trong suốt quá trình làm bài và không được che khuất.

3.7 Smartwatches, analoge Uhren, Schmuckstücke im Gesichtsbereich, Haarschmuck sowie gesichtsnahe Accessoires, wie z.B. Tücher, Schals, Krawatten, dürfen während der Prüfung nicht getragen werden, um zu gewährleisten, dass keine unerlaubten technischen Hilfsmittel benutzt werden.

3.7 Đồng hồ thông minh, các loại đồng hồ tương tự, đồ trang sức ở trên mặt, phụ kiện tóc và phụ kiện gần mặt, ví dụ như khăn choàng, khăn quàng cổ, cà vạt, không được đeo trong quá trình làm bài thi để đảm bảo thí sinh không sử dụng công cụ hỗ trợ kỹ thuật trái phép.

3.8 Mobiltelefone und weitere mobile Endgeräte müssen nachweislich ausgeschaltet und außerhalb der Reichweite des/der Prüfungsteilnehmenden deponiert werden.

3.8 Điện thoại di động và các thiết bị di động khác phải chứng minh là đã được tắt và để ra khỏi tầm với của thí sinh dự thi.

3.9 Prüfungsteilnehmende verpflichten sich, die vorbereitenden Schritte zur Prüfungsdurchführung sowie die Hinweise der Prüfungsaufsicht zu beachten und Anweisungen umzusetzen.

3.9 Thí sinh cam kết tuân thủ các bước chuẩn bị cho kỳ thi cũng như các hướng dẫn của giám thị và thực hiện các hướng dẫn.

3.10 Der schriftliche Teil der Online-Deutschprüfung findet als Einzelprüfung statt. Der Prüfungsteil/Das Modul SPRECHEN wird abhängig von den Gegebenheiten am Prüfungszentrum entweder als Einzel- oder Paarprüfung durchgeführt.

Die zeitliche Organisation der Prüfung erfolgt gemäß 1.4.: Falls während der schriftlichen Prüfung ein Toilettengang erforderlich ist, wird der Zeitplan beibehalten und die Prüfungszeit nicht verlängert.

4. Abweichend von § 4 und § 5 (Bewertung) gilt:

Die Aufgaben mit vorgegebenen Antwortmöglichkeiten in den Modulen/Prüfungsteilen LESEN und HÖREN werden technisch automatisiert durch die Testplattform bewertet. Bei den Modulen/Prüfungsteilen SCHREIBEN und SPRECHEN werden die Bewertungen durch zwei voneinander unabhängig Prüfende/Bewertende direkt auf der Testplattform eingegeben. Die Bewertungskriterien entsprechen den Bewertungskriterien der papierbasierten Prüfung (siehe dazu § 4 und § 5). Die Prüfenden und Bewertenden authentifizieren sich auf der Testplattform durch individuelle Login-Daten, daher entfällt die Notwendigkeit einer Unterschrift.

3.10 Các phần viết của kỳ thi tiếng Đức trực tuyến diễn ra dưới dạng các kỳ thi riêng lẻ. Phần thi/mô-đun NÓI được thực hiện dưới dạng thi cá nhân riêng lẻ hoặc thi theo cặp tùy thuộc vào điều kiện tại trung tâm thi.

Thời gian làm bài diễn ra như 1.4.: Nếu cần phải đi vệ sinh trong quá trình làm bài viết, tiến trình thi được giữ nguyên và thời gian làm bài không được kéo dài.

4. Điểm khác với § 4 và § 5 (Chấm điểm) như sau:

Bài thi với các đáp án tùy chọn cho sẵn trong mô-đun/phần thi ĐỌC và NGHE được chấm điểm tự động ngay trên phần mềm thi. Mô-đun/phần thi VIẾT và NÓI được chấm đọc lập bởi hai người chấm thi trực tiếp trên phần mềm thi. Các tiêu chí chấm thi cũng tương tự như các tiêu chí chấm bài thi trên giấy (xem thêm § 4 và § 5). Người hỏi thi và chấm thi xác thực danh tính trên hệ thống phần mềm thi thông qua mã đăng nhập nên không cần ký xác nhận.